

Bản án số: 48/2019/DS-ST.

Ngày: 26-4-2019.

V/v tranh chấp HĐ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tùng Châu.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 217/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản)*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 123/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 232/2019/QĐST-DS ngày 29/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng.

Địa chỉ: Số 130, đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Võ Minh T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Võ Thành A ; chức vụ: Cán bộ tín dụng (Văn bản ủy quyền ngày 04/9/2018).

Địa chỉ chi nhánh: Số 60, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1966, nơi cư trú: Số nhà 13, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị D, nơi cư trú: Số nhà 14, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2018 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 24/7/2017 bà Nguyễn Thị Ngọc H có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tuần. Việc cho vay không có thế chấp tài sản để đảm bảo (tín chấp).

Trong thời gian thực hiện hợp đồng bà H vi phạm là thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng theo hợp đồng đã ký kết, tính đến ngày 26/4/2019 bà H còn nợ ngân hàng tổng số tiền 4.234.085 đồng. Trong đó, nợ gốc là 3.587.566 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.819 đồng và nợ lãi quá hạn là 688.700 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà H trả tổng các khoản nợ là 4.234.085 đồng như đã nêu trên và tiếp tục tính lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong phần nợ gốc.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc H tại phiên hòa giải có trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của ngân hàng, nhưng bà cho rằng bà chỉ còn nợ ngân hàng với 3 kỳ góp, mỗi kỳ là 1.650.000 đồng, phiên tòa hôm nay bà vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà D) xin vắng mặt, nhưng trước đó có lời khai, thừa nhận có liên kết với Ngân hàng để vay tiền cho các Hội viên, vì bà là Chủ tịch Hội trưởng Hội phụ nữ ấp T, việc bà H có vay tiền của Ngân hàng là đúng việc ngân hàng kiên đòi bà H trả nợ là hợp lý.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị buộc bị đơn trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký. Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại thành phố V. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, đại diện nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà D) có đơn xin vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1

Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì ngân hàng thực hiện cho vay đúng theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật Tổ chức tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn, thể hiện bà Nguyễn Thị Ngọc H có vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng là sự thật, (Hợp đồng tín dụng số : 00774754.0157939101T17005 ngày 24/7/2017), khi thực hiện trả nợ theo định kỳ bà H thực hiện không đúng, tính đến ngày 26/4/2019 bà H còn nợ ngân hàng số tiền 4.234.085 đồng. Trong đó, nợ gốc là 3.587.566 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.819 đồng và nợ lãi quá hạn là 688.700 đồng, nên ngân hàng kiên yêu cầu H trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Ngân hàng còn yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 27/4/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định, nên được chấp nhận.

[3] Đối với bà H cho rằng bà chỉ còn nợ ngân hàng 03 kỳ góp, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh, nên lời trình bày của bà không có cơ sở xem xét.

[4] Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn dưới 6.000.000 đồng, nên bị đơn phải chịu án phí theo loại án phí không có giá ngạch quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, như vậy án phí bà H phải nộp là 300.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật Tổ chức tín dụng và Điều 26 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có ý kiến rằng, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật Tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

I. Về nội dung:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc là 3.587.566 đồng (*Ba triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi sáu đồng*).

- Tiền nợ lãi trong hạn là 67.819 đồng (*Sáu mươi bảy ngàn tám trăm mười chín đồng*).

- Tiền nợ lãi quá hạn là 688.700 đồng (*Sáu trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm đồng*).

Tổng cộng là 4.234.085 đồng (*Bốn triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn không trăm tám mươi lăm đồng*).

2. Kể từ ngày 27/4/2019 bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 00774754.0157939101T17005 ngày 24/7/2017.

II. Về án phí:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.00 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Ngân hàng không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0003981 ngày 12/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được hoàn trả lại cho Ngân hàng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng**